

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Huy Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quân

Ông Trần Văn Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H - Sinh năm 1968 “Có mặt”

Địa chỉ: Thôn Hội L, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1 – Sinh năm 1963 “Có mặt”

Địa chỉ: Thôn An T, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có tổ chức đám cưới truyền thống vào ngày 26/8/1988, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hội nhưng không nhớ rõ ngày, giấy đăng ký kết hôn đã mất, không nhớ mất thời điểm nào, ở đâu, không cung cấp được cho Tòa án. Thời kỳ đó ông Võ Ái là thư ký của Ủy ban là người đăng ký cho vợ chồng nhưng đã chết, nay tại UBND xã không còn hồ sơ lưu vào năm 1988. Sau khi kết hôn, các đương sự cùng sống chung tại thôn Hội L, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2014 do phát sinh mâu thuẫn, bị đơn về sống tại thôn An Toàn, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Nguyễn Thị T (Sinh ngày 24/02/1991), Nguyễn Văn Kh (Sinh ngày 15/3/1995), Nguyễn Văn Kh1 (Sinh ngày 24/4/1997). Vì các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như nguyên đơn trình bày, vợ chồng có tổ chức đám cưới ngày 26/8/1988 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã nhưng do thời gian đã lâu nên bị thất lạc không nhớ ngày, tháng, năm. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng quá trình chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, do hay cãi vã, tính cách không hợp nhưng bị đơn thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể đoàn tụ được, không nhất thiết phải ly hôn.

Về con chung: Đồng ý như trình bày của nguyên đơn, vì các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế, đều có quan điểm là đã đăng ký kết hôn tại UBND xã nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28 BLTTDS; Điều 8 Luật HNGĐ năm 1986; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ năm 2014; Điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội, tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng. Về con chung, tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu miễn xét. Nguyên đơn phải chịu chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào thẩm quyền về vụ việc và thẩm quyền về lãnh thổ thì vụ án do Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có thời gian sống chung, có con chung và tài sản chung, có làm đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1988. Mặc dù các đương sự đều cho rằng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hội nhưng đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại UBND xã Xuân Hội nhưng hồ sơ lưu trữ về đăng ký kết hôn từ năm 1988 là không còn. Do không có chứng cứ chứng minh nên các đương sự phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp được chứng cứ.

Theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 luật có hiệu lực tại thời điểm các đương sự sống chung quy định:

Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn, nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghị thức do Nhà nước quy định.

...

Mọi nghị thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 luật có hiệu lực tại thời phát sinh yêu cầu quy định:

Điều 9: Đăng ký kết hôn

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật của hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn có thời gian chung sống như vợ chồng, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, đối chiếu các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ, thì việc sống chung của các bên đương sự không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000, 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000 QH10; khoản 4 Điều 3 TTLT số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận là vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình sống chung nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Nguyễn Thị T (Sinh ngày 24/02/1991), Nguyễn Văn Kh (Sinh ngày 15/3/1995), Nguyễn Văn Kh1 (Sinh ngày 24/4/1997). Vì các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 48, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 70, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Khoản 1 Điều 11, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[1]. Xử không công nhận bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

[2]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000196 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nay không phải nộp tiếp.

[3]. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Huy Bình